TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Phúc.

2. Ông Huỳnh Trung Thảo.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Nhàn, là Thư ký của Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm Thanh S, sinh năm 1991 (*có mặt*)
Địa chỉ: ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Thị N, sinh năm 1994 (*vắng mặt*)
Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Thanh S trình bày: Anh và chị N có tìm hiểu nhau trước vào năm 2011, sau đó được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới cho anh, chị vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp ngày 20/7/2012. Sau khi cưới anh, chị chung sống rất hạnh phúc được một thời gian đến cuối năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn

trong cuộc sống vợ chồng hàng ngày và phát sinh ngày càng trầm trọng, anh, chị cũng đã tìm mọi cách để hàn gắn lại tình cảm nhưng không được nên mục đích hôn nhân không đạt được và anh, chị đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, thời gian ly thân anh, chị cũng không hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay, anh thấy tình cảm vợ chồng đã bị đổ vỡ hoàn toàn, không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Về nuôi con: Có 01 con chung tên Phạm Thị Kim N, sinh ngày 01/02/2013 (N hiện đang sống chung với chị N). Khi ly hôn, anh Phạm Thanh S đồng ý giao con cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh Phạm Thanh S không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt: Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án số 434/2020/TB-TLVA ngày 11/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện T và các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng chị N không đến Tòa án trình bày và cũng không có văn bản ý kiến gửi Tòa án và cũng không có mặt tại các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Phạm Thanh S yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị N. Đây là vụ án về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn hiện cư trú tại địa bàn ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị N vắng mặt, xét thấy chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Phạm Thanh Sg và chị Nguyễn Thị N là hoàn toàn tự nguyện và anh, chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, trong quá trình chung sống anh, chị sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn và anh, chị đã sống ly thân từ 2013 đến nay, từ khi ly thân đến nay anh, chị không gặp nhau để tìm ra phương cách hàn gắn lại với nhau dẫn đến anh S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để động viên cho anh, chị hàn gắn lại với nhau nhưng chị N không có mặt theo thông báo của Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến gửi Tòa án xem xét, chứng tỏ chị N không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh S. Mặt khác, tại tờ tường trình ngày 26/01/2021 của bà Nguyễn Thu H và Võ Văn Sáu N (là cha, mẹ chị N) sống chung với chị N có ý kiến đối với S và N đã có mâu thuẫn trầm trọng không hàn gắn được và đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Xét thấy, đời sống chung của anh, chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh S đối với chị N là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con: Tại phiên tòa, anh S trình bày trong thời gian chung sống anh và chị N có 01 con chung tên Phạm Thị Kim N, sinh ngày 01/02/2013 (Phạm Thị Kim N hiện đang sống chung với chị N và bà Nguyễn Thị Thu H). Khi ly hôn, anh S đồng ý giao con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh S không cấp dưỡng nuôi con, chị N không có ý kiến, tại tờ tường trình ngày 27/01/2021 cháu Phạm Thị Kim N có nguyện vọng sống với chị N.

Xét thấy, từ khi anh S và chị N sống ly thân cho đến nay, con chung do chị N nuôi dưỡng, trong quá trình nuôi dưỡng chị N vẫn đảm bảo cho cháu N có cuộc sống ổn định, phát triển tốt và anh S cũng đồng ý giao con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng nên chấp nhận giao cháu N cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản: Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và vợ chồng cũng không thiếu nợ ai khác. Đối với chị N không có ý kiến cung cấp trong quá trình Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Phạm Thanh S phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Pham Thanh S đối với chị Nguyễn Thị N (theo giấy chứng nhận kết hôn bản sao số 50/2012, quyển số 01/2012, ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp).

2. Về nuôi con:

Giao con Phạm Thị Kim N, sinh ngày 01/02/2013 (Phạm Thị Kim N hiện đang sống chung với chị Nguyễn Thị N) cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh Phạm Thanh S không cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm:

Anh Phạm Thanh S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BI/2019/0010288 ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp, anh Phạm Thanh S đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hùng Cường